

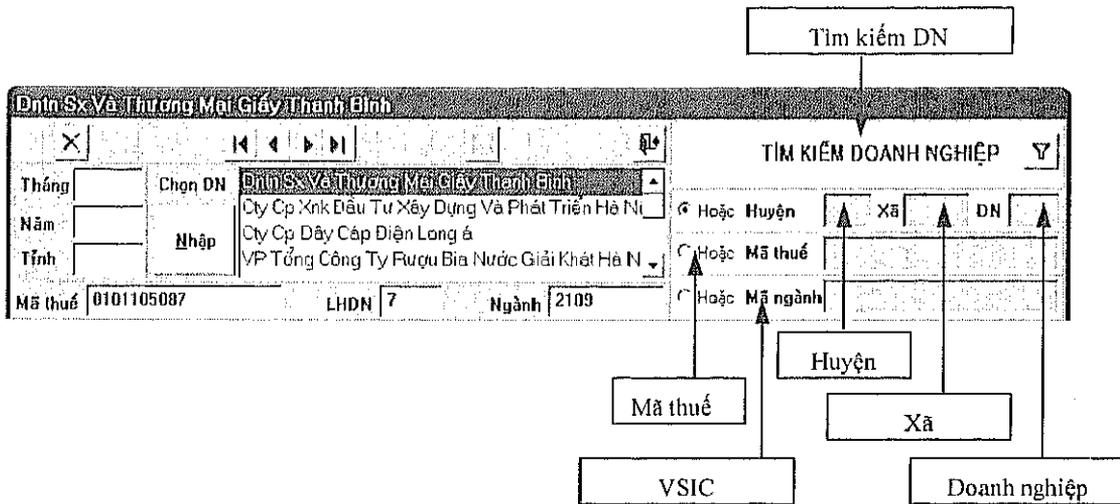
2.1.4 Cấu trúc của màn hình nhập tin

(1) Cấu trúc và chức năng tổng quát của màn hình nhập tin

Những màn hình dưới đây hiển thị cấu trúc và chức năng của màn hình nhập tin cho điều tra thống kê hàng tháng. Các chức năng chi tiết được mô tả ở các phần sau.

The screenshot shows a data entry interface for 'Công Ty Thức Ăn Chăn Nuôi T.W'. At the top, there are three buttons: 'Trở về thực đơn chính', 'Lọc tìm kiếm DN nhập tin', and 'Lọc'. The main window has a title bar and a search bar labeled 'TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP'. Below the search bar are three filter options: 'Hoặc Huyện', 'Hoặc Mã thuế', and 'Hoặc Mã ngành'. The main data entry area includes fields for 'Thống', 'Năm', 'Tỉnh', 'Mã thuế', 'Mã SP', 'Tên sản phẩm', 'Đơn vị tính', 'Số xuất trong tháng', 'Xuất kho trong tháng', 'Tiêu thụ nội bộ', 'Tồn kho cuối kỳ', 'Giá hàng xuất kho trong tháng (Tr.đồng)', and 'Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo'. A 'Chọn DN' button is located above the 'Đơn vị tính' field. Below the data entry area, there are three buttons: 'Xoá số liệu DN', 'Xoá số liệu từng sản phẩm', and 'Chuyển đến DN khác'. A large bracket on the right side of the data entry area is labeled 'Khung nhập số liệu sản phẩm'.

The screenshot shows a data entry interface for 'Đơn Sản Và Thương Mại Giấy Thanh Bình'. At the top, there are three buttons: 'Năm', 'Tháng', and 'Nhập'. The main window has a title bar and a search bar labeled 'TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP'. Below the search bar are three filter options: 'Hoặc Huyện', 'Hoặc Mã thuế', and 'Hoặc Mã ngành'. The main data entry area includes fields for 'Thống', 'Năm', 'Tỉnh', 'Mã thuế', 'Mã SP', 'Tên sản phẩm', 'Đơn vị tính', 'Số xuất trong tháng', 'Xuất kho trong tháng', 'Tiêu thụ nội bộ', 'Tồn kho cuối kỳ', 'Giá hàng xuất kho trong tháng (Tr.đồng)', and 'Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo'. A 'Chọn DN' button is located above the 'Đơn vị tính' field. Below the data entry area, there are three buttons: 'Mã thuế', 'Loại hình DN', and 'VSIC'. A large bracket on the right side of the data entry area is labeled 'Khung nhập số liệu sản phẩm'.



2.1.5 Thao tác màn hình nhập tin

(1) Nhập Tháng và năm

The screenshot shows the same software window as above, but with callouts explaining the input for the month and year fields. The "Tháng" field is highlighted with a box containing the text: "Nhập 10 nếu tháng báo cáo là tháng 10." The "Năm" field is highlighted with a box containing the text: "Nhập 2005 nếu năm báo cáo là 2005." A larger box on the right contains the text: "Nhập tháng và năm báo cáo bằng số. Nếu tháng báo cáo là tháng 10 năm 2005, nhập số 10 và 2005 vào ô phù hợp trên màn hình".

(2) Nhập mã Tỉnh/Thành phố

Tháng	Chọn DN	Danh SX Và Thương Mại Giấy Thành Bình		Hoặc	Huyện	Xã	DN
Năm	Nhập	Cty Cp Xnk Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Hà N		Hoặc	Mã thuế		
Tỉnh		Cty Cp Dây Cáp Điện Long á		Hoặc	Mã ngành		
Mã thuế	010N 05087	LHDN	7	Ngành	2109		
Mã SP		Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Tỷ giá hàng xuất kho trong tháng (T.đồng)	Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo	
		Sản xuất trong tháng	Xuất kho nội bộ	Tiêu thụ	Tồn kho cuối kỳ		

Nhập mã tỉnh, thành phố

Nếu nhập sai mã, chương trình sẽ hiển thị danh mục tỉnh/thành phố để lựa chọn. Nếu nhập tin với Tên và Mật khẩu là PSO, tỉnh/thành phố ngầm định là tỉnh/thành phố khai báo trước. Nếu tên và mật khẩu là GSO, khi nhập số liệu cho tỉnh nào thì khai báo mã Tỉnh/thành phố tương ứng.

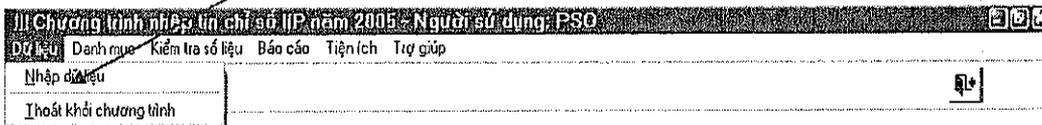
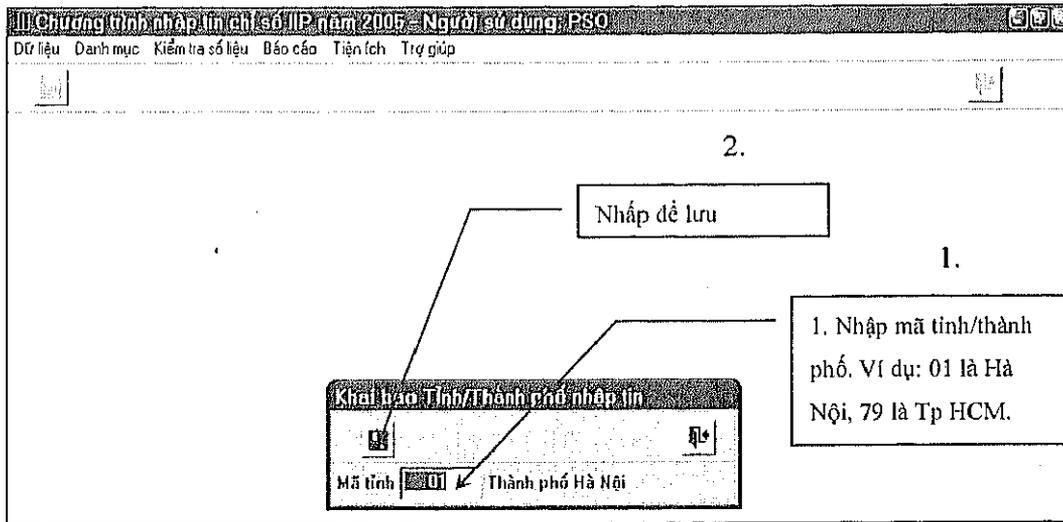
Mã tỉnh có thể được mặc định phụ thuộc vào từng tỉnh bằng cách sử dụng chức năng “Khai báo tỉnh/thành phố nhập tin” của thanh công cụ “Tiện ích” như dưới đây;

Nhấp vào “Khai báo tỉnh, thành phố nhập tin” để quay lại màn hình nhập tin ban đầu và đợi đến khi nút lệnh nhập mã tỉnh/thành phố xuất hiện.

Dữ liệu	Danh mục	Kiểm tra số liệu	Báo cáo	Tiện ích	Trợ giúp
				1- Nhập số liệu vào CSDL	
				2- Thay đổi nền màn hình	
				3- Chạy một số chương trình ứng dụng	
				4- Máy tính cá nhân	
				5- Cài thanh công cụ	
				6- Tắt thanh công cụ	
				7- Khai báo Tỉnh/Thành phố nhập tin	
				8- Xem cơ sở dữ liệu	

Nhấp “Khai báo tỉnh/thành phố nhập tin” bằng cách quay lại màn hình ban đầu.

Màn hình dưới đây sẽ được hiển thị sau khi tiến hành quy trình nói trên. Mã nhập vào trong nút lệnh sẽ định dạng tỉnh/thành phố. Tham khảo Phụ lục 1 để tìm kiếm mã của từng tỉnh. Sau đó nhấp vào nút để lưu số liệu và nhấp vào hay nhấp vào trình đơn “nhập số liệu” của thanh công cụ “File” để mở màn hình nhập tin.



Sau khi tiến hành quy trình nói trên, người sử dụng sẽ thấy màn hình như dưới đây

Đình Sĩ Văn Thương Mại Giấy Thành Bình

TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP

Thống kê: Chọn DN: Đình Sĩ Văn Thương Mại Giấy Thành Bình

Năm: 2005 Nhập

Tỉnh: 01

Mã thuế: 0101105007 LHDN: 7 Ngành: 2109

Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng			Tồn kho cuối kỳ	Dự kiến sản xuất tiếp theo
			Sản xuất trong tháng	Xuất kho trong tháng	Tồn kho nội bộ		
1	Cặp tài liệu bằng giấy, bìa	1000 cái					
2	Phong bì, bưu thiếp và các sản phẩm tương tự	1000 cái					
3	Các sản phẩm bằng giấy đục đờng một lần (ví 1000 cái)						
4	Giấy vệ sinh						
4-1	Khăn giấy cao cấp	Tấn					
4-2	Tờ lót bằng giấy	Tấn					
4-3	Bảng vệ sinh phụ nữ	Tấn					
5	Nhãn Decal	1000 chiếc					
6	Giấy thép khổ	1000 thớt					
7	Vở học sinh (quy loại 100 trang)	1000 quyển					

Temp (c:\nip2005\cod\temp.dbi) Record: 1/10 Exclusive NUM 5:31:10 pm

(3) Lựa chọn và tìm kiếm doanh nghiệp

Trong “màn hình tìm kiếm” hiển thị ở phía bên phải của màn hình nhập tin, người sử dụng có thể tìm kiếm một doanh nghiệp hay một cơ sở kinh tế cụ thể bằng cách nhập dạng mã quận/huyện, mã xã/phường hay mã số thuế bằng cách nhập từng mã (Hãy tham khảo màn hình hiển thị trong phần (1) của Mục 2.1.4. Để thực hiện quy trình, người sử dụng phải nhập mã phù hợp vào các ô hiển thị dưới đây. Về cơ bản, có ba cách đặt lọc để tìm kiếm doanh nghiệp bao gồm: chọn mã Quận, huyện/Xã, phường/Doanh nghiệp, mã số thuế để tìm kiếm doanh nghiệp/cơ sở kinh tế cụ thể hoặc bằng mã VSIC (cấp 2, cấp 3 hoặc cấp 4).

TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP

Hoặc **Huyện**

Hoặc **Mã thuế**

Hoặc **Mã ngành**

Đặt chế độ lọc

Vào hộp “Tìm kiếm Doanh nghiệp”. Người sử dụng có thể đặt chế độ lọc doanh nghiệp theo mã huyện, xã, doanh nghiệp hoặc theo mã số thuế (từ 1-10 chữ số) hoặc mã ngành (2,3 hoặc 4 chữ số). Nhập dữ liệu tìm kiếm vào “Tìm kiếm Doanh nghiệp” và nhấp vào nút

Chú ý: Người sử dụng có thể chỉ sử dụng một chức năng tìm kiếm. Để đặt lại chức năng tìm kiếm, nhập lại số liệu vào phần tìm kiếm và nhấp vào nút .

Màn hình nhập tin dưới đây là một ví dụ tìm kiếm theo VSIC. Doanh nghiệp/cơ sở kinh tế được tìm kiếm theo mã ngành VSIC 1512 là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến và bảo quản thủy hải sản. Màn hình cho thấy có ba doanh nghiệp/cơ sở kinh tế trên địa bàn Hà Nội hoạt động trong ngành này theo mã VSIC ngành cấp 4 đã nhập và tìm kiếm.

TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP

Hoặc **Huyện**

Hoặc **Mã thuế**

Hoặc **Mã ngành**

Nhập mã VSIC và tìm kiếm bằng cách nhấn nút tìm kiếm.

Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản xuất trong tháng	Xuất kho trong tháng	Tiêu thụ nội bộ	Tồn kho cuối kỳ	Tại giá hàng xuất kho (tr. đồng)	Dự kiến sản xuất trong liên tục
1	Thủy hải sản ướp lạnh	Tấn						
2	Thủy hải sản ướp đông	Tấn						
3	Thủy hải sản ướp muối, phơi khô, sấy khô, h	Tấn						
4	Thủy hải sản đóng hộp							
4-1	Cá ngừ đóng hộp	Tấn						
4-2	Các loại thủy hải sản đóng hộp khác	Tấn						
5	Thủy hải sản xay nhỏ hoặc dạng mềm đặc	Tấn						
6	Nước mắm							
6-1	Nước mắm cô đặc	Kg						
6-2	Nước mắm các loại (từ sản phẩm nước mắm	1000 lít						

STT	Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính
1	1512 1	Thủy hải sản ướp lạnh	Tấn
2	1512 2	Thủy hải sản ướp đông	Tấn
3	1512 3	Thủy hải sản ướp muối, phơi khô, sấy khô, hun khói (ví dụ: mực khô, cá khô)	Tấn
4	1512 4	Thủy hải sản đông hộp	Tấn
5	1512 4-1	Cá ngừ đông hộp	Tấn
6	1512 4-2	Cá ngừ thủy hải sản đông hộp khác	Tấn
7	1512 5	Thủy hải sản xay nhỏ hoặc đông viên khác	Tấn
8	1512 6	Nước mắm	Hg
9	1512 6-1	Nước mắm có đặc	1000 lít
10	1512 6-2	Nước mắm các loại (ví dụ: sản phẩm nước mắm có đặc)	Tấn
11	1512 7	Các sản phẩm thủy hải sản khác chưa được phân vào đâu	Tấn
12	1513 1	Dầu thực vật thô	Tấn
13	1513 2	Dầu thực vật tinh luyện	Tấn
14	1514 2-1	Dầu đậu nành	Tấn
15	1514 2-2	Dầu dừa	Tấn
16	1514 2-3	Dầu gấc	Tấn
17	1514 2-4	Dầu thực vật khác	Tấn
18	1514 3	Mỡ động vật	Tấn
19	1514 4	Mỡ lợn (bít thực vật)	Tấn
20	1514 9	Các loại dầu ăn khác (ví dụ: mỡ pha vào bình chỉ nắp)	Tấn
21	1620 1	Bìa hộp đặc cỡ Hường	1000 hộp
22	1620 2	Bìa hộp một tầng các loại	Tấn
23	1620 3	Bìa hộp các loại	Tấn
24	1620 4	Phiếu mới	Tấn
25	1620 6	Bìa cứng các loại	Tấn
26	1620 7	Bìa cứng các loại không giấy	Tấn
27	1620 8	Các sản phẩm bìa khác chưa được phân vào đâu	Tấn
28	1631 1	Giấy xy sợi và đánh bóng	Tấn
29	1631 2	Hạt nhân - An	Tấn

Khung sản phẩm khác

Dữ Liệu SX Và Thương Mại Giấy/Thanh Định

TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP

Tháng: 10, Năm: 2005, Tỉnh: 01, Chọn DN: [OK]

Mã thuế: 0101105007, LHMN: 7, Ngành: 2103

Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản xuất trong tháng	Xuất kho trong tháng	Tiêu thụ nội bộ	Tồn kho cuối kỳ	Tỷ giá hàng xuất kho (trong tháng) (T.đồng)	Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo
4-1	Khăn giấy cao cấp	Tấn						
4-2	Tã lót bằng giấy	Tấn						
4-3	Dãng vệ sinh phụ nữ	Tấn						
5	Nhãn Decal	1000 chiếc						
6	Giấy thép khổ	1000 sheet						
7	Vở học sinh (quy loại 100 trang)	1000 quyển						

Sau khi nhập tin, tất cả các thông tin sẽ được lưu. Thao tác này có thể được thực hiện bằng cách nhấp vào nút ở góc trên bên phải của màn hình nhập tin. Hoặc ấn **Ctrl + S** để lưu số liệu. Người sử dụng có thể bổ sung thêm doanh nghiệp mới và chương trình sẽ tự động lưu số liệu của doanh nghiệp đó.

(5) Bổ sung Doanh nghiệp/Cơ sở kinh tế mới

Để bổ sung doanh nghiệp/cơ sở kinh tế mới, nhấp vào nút lệnh "**Nhập dữ liệu**" trong trình thanh công cụ "**Dữ liệu**". Nhấp vào nút "Thêm mới" để bổ sung doanh nghiệp mới. Lựa chọn doanh nghiệp trong hộp và tiếp tục bổ sung doanh nghiệp khác.

Nhấp nút  và chờ đến khi màn hình sau hiện ra.

Danh sách doanh nghiệp

Mã DN | 1 | Tên DN | Cty Cp Xnk Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Hà Nội

Địa chỉ | 11 Nguyễn Khắc Nhu | Mã số thuế | 0101331745

Mã Tỉnh | 01 | Mã Huyện | 001 | Mã Xã | 000 | Thành phố Hà Nội - Quận Đa Đình - Phường Trúc Bạch

LHDN | 10

Ngành | 2429 | Ngành sản xuất các sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu

Số điện thoại | 8230754 | Fax |

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP

Mã DN	Tên doanh nghiệp	Mã thuế	Địa chỉ	Tỉnh
1	Cty Cp Xnk Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển	0101331745	11 Nguyễn Khắc Nhu	01
2	Cty Cp Dây Cáp Điện Long Á	0101304910	1b Trần Tế Xương	01
1	VP Tổng Công Ty Rượu Bia Nước Giải Khát	0101376672	183 Hoàng Hoa Thám	01
2	Công Ty TNHH Figra Việt Nam	0101206991	Số 11 Ngách 12/21 Đào Tấn	01
1	Công Ty Cổ Phần Traphaco	0100108656	75 Yên Ninh	01
1	Cty Cp Nước Uống Tinh Khiết Sài Gòn Sáp	0101309115	1 Ngõ 189 Hoàng Hoa Thám	01

Danh sách doanh nghiệp

Mã DN | | Tên DN |

Địa chỉ | | Mã số thuế |

Mã Tỉnh | 01 | Mã Huyện | | Mã Xã | | Thành phố Hà Nội - Quận Đa Đình - Phường Trúc Bạch

LHDN |

Ngành | | Ngành sản xuất các sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu

Số điện thoại | | Fax |

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP

Mã DN	Tên doanh nghiệp	Mã thuế	Địa chỉ	Tỉnh
				01
1	Cty Cp Xnk Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển	0101331745	11 Nguyễn Khắc Nhu	01
2	Cty Cp Dây Cáp Điện Long Á	0101304910	1b Trần Tế Xương	01
1	VP Tổng Công Ty Rượu Bia Nước Giải Khát	0101376672	183 Hoàng Hoa Thám	01
2	Công Ty TNHH Figra Việt Nam	0101206991	Số 11 Ngách 12/21 Đào Tấn	01
1	Công Ty Cổ Phần Traphaco	0100108656	75 Yên Ninh	01

Điền tất cả các thông tin liên quan đến doanh nghiệp/cơ sở kinh tế và nhấp vào  để lưu số liệu

(6) Kiểm tra doanh nghiệp

Để xem xét và tìm kiếm doanh nghiệp từ cơ sở dữ liệu, người sử dụng có thể dùng các nút sau: nhấp vào nút “Về đầu” , “Về trước” , “Tiếp sau” , “Về cuối”  để tìm

kiểm các doanh nghiệp trên danh sách. Nếu doanh nghiệp đang chọn đã nhập tin, số liệu sẽ được hiển thị trong Khung “Thông tin về sản phẩm”.

Xem doanh nghiệp đầu tiên
 Xem doanh nghiệp trước
 Xem doanh nghiệp sau
 Xem doanh nghiệp cuối cùng

(7) Xóa số liệu của cả doanh nghiệp

Để xóa doanh nghiệp và số liệu sản phẩm từ cơ sở dữ liệu, nhấp với các chức năng “Xóa số liệu của cả doanh nghiệp”. Lệnh này cho phép xóa số liệu đã nhập tin trong lần nhập tin hiện thời. Để xóa số liệu không chính xác về sản phẩm, nhấp với các chức năng “xóa số liệu về sản phẩm”

Thao tác thực tế được tiến hành như sau:

Quy trình xóa doanh nghiệp/cơ sở kinh tế

Dùng chuột đưa mũi tên tới doanh nghiệp muốn xóa và nhấp một lần vào chuột trái. Nhấp nút để xóa doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.

Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản xuất trong tháng	Xuất kho trong tháng	Tiêu thụ nội bộ	Tồn kho cuối kỳ	Tỷ giá hàng xuất kho trong tháng (T.đồng)	Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo
1	Cặp tài liệu bằng giấy, bì a	1000 cái						
2	Phong bì, bưu thiếp và các sản phẩm tương t	1000 cái						
3	Các sản phẩm bằng giấy đúc dùng một lần (v	1000 cái						
4	Giấy vệ sinh							
4-1	Khăn giấy cao cấp	Tấn						
4-2	Tã lót bằng giấy	Tấn						
4-3	Băng vệ sinh phụ nữ	Tấn						
5	Nhãn Decal	1000 chiếc						
6	Giấy thép khổ	1000 thẻ						
7	Vở học sinh (quy loại 100 trang)	1000 quyển						

Quy trình xoá sản phẩm

Dùng chuột đưa mũi tên tới sản phẩm muốn xoá và nhấp một lần vào chuột trái. Nhấp nút  để xoá sản phẩm.

Cty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Hà Nội

TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP

Tháng: 10 | Chọn DN: | Hoặc Huyện: Xã: DN:

Năm: 2005 | OK | Hoặc Mã thuế:

Tỉnh: B1 | Hoặc Mã ngành:

Mã thuế: 0101331745 | LHDH: 10 | Ngành: 2429

Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng		Tồn kho cuối kỳ	Giá trị xuất kho (trong tháng) (T.đồng)	Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo
			Sản xuất trong tháng	Xuất kho trong tháng			
1	Tinh dầu và tinh chất chiết xuất	Kg					
2	Các chất kết dính (keo, hồ dán, vv.)	Kg					
3	Chế phẩm bôi trơn các loại	Tấn					
4	Huá chất chống cháy	Tấn					
5	Thuốc nổ, ngòi nổ, kíp nổ	Tấn					
6	Dây cáp chập	1000 mét					
7	Các loại băng đĩa trắng (băng video, băng cassette 1000 cái)						
8	Giấy ảnh	m2					
9	Canxi cacbonat	Tấn					
10	Các sản phẩm hoá chất khác chưa được phân	Tấn					

Hãy chú ý rằng khi nhập số liệu cho một doanh nghiệp, nếu sản phẩm khác với sản phẩm có sẵn trong danh mục, chỉ cần nhập cột tên sản phẩm, đơn vị tính, sản xuất trong tháng, xuất kho trong tháng, dự kiến sản xuất tháng tiếp theo. Không cần nhập cột mã sản phẩm.

(8) Thoát ra khỏi chương trình nhập tin

Để thoát ra khỏi chương trình nhập tin và trở về màn hình ban đầu, cần thực hiện quy trình dưới đây. Đảm bảo rằng tất cả các thông tin được nhập vào Khung nhập tin và nhấp vào để lưu toàn bộ số liệu.

Cty Cp Xây Dựng Và Phát Triển (Hà Nội)

TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP

Tháng: 10 | Chọn DN: [Dropdown] | Hoặc Huyện: | Xã: | DN: |
 Năm: 2005 | Hoặc Mã thuế: |
 Tỉnh: 01 | Hoặc Mã ngành: |

Mã thuế: 0101331745 | LHDN: 10 | Ngành: 2429

Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng		Tiêu thụ nội bộ	Tồn kho cuối kỳ	Giá hàng xuất kho trong tháng (Tr.đồng)	Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo
			Sản xuất trong tháng	Xuất kho trong tháng				
1	Tính dẻo và tính chất chống xuất	Kg						
2	Các chất kết dính (keo, hồ dán, vv.)	Kg						
3	Chế phẩm bôi trơn các loại	Tấn						
4	Hóa chất chống cháy	Tấn						
5	Thuốc nổ, ngòi nổ, kẹp nổ	Tấn						
6	Dây chày chậm	1000 mét						
7	Các loại băng đĩa trắng (băng video, băng cá 1000 cái)							
8	Giấy ảnh	m2						
9	Canxi cacbonat	Tấn						
10	Các sản phẩm hoá chất khác chưa được phá Tản							

Đảm bảo tất cả các thông tin đều được nhập vào khung và ấn "OK" để lưu toàn bộ số liệu. Nhấp vào  để trở về màn hình ban đầu của chương trình. Chương trình sẽ trở về màn hình ban đầu như ở trang sau.

Đơn Sx Và Thương Mại Giấy Thành Bình

TÌM KIẾM DOANH NGHIỆP

Tháng: 10 | Chọn DN: [Dropdown] | Hoặc Huyện: | Xã: | DN: |
 Năm: 2005 | Hoặc Mã thuế: |
 Tỉnh: 01 | Hoặc Mã ngành: |

Mã thuế: 0101105007 | LHDN: 7 | Ngành: 2109

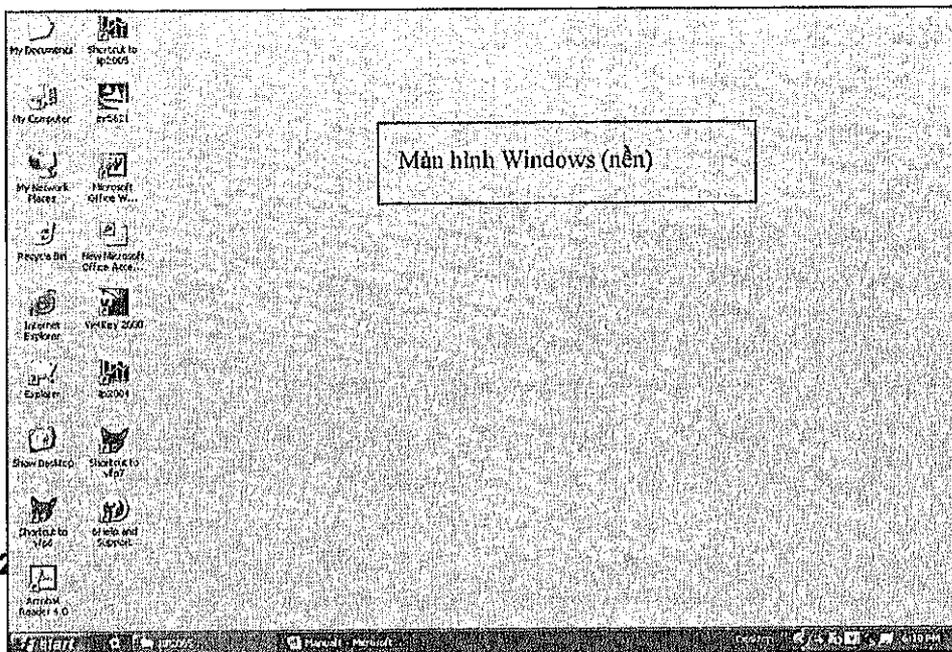
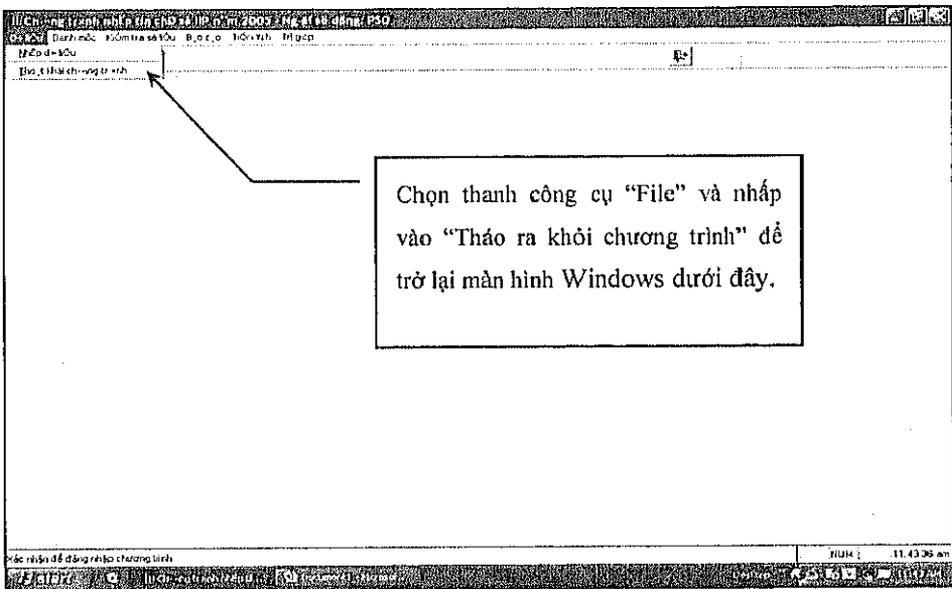
Mã SP	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng		Tiêu thụ nội bộ	Tồn kho cuối kỳ	Giá hàng xuất kho trong tháng (Tr.đồng)	Dự kiến sản xuất tháng tiếp theo
			Sản xuất trong tháng	Xuất kho trong tháng				
1	Cấp tài liệu bằng giấy, bìa	1000 cái						
2	Phong bì, bưu thiếp và các sản phẩm tương (1000 cái)							
3	Các sản phẩm bằng giấy đúc dùng một lần (vi 1000 cái)							
4	Giấy vệ sinh							
4-1	Khăn giấy cao cấp	Tấn						
4-2	Tã lót bằng giấy	Tấn						
4-3	Đãng vệ sinh phụ nữ	Tấn						
5	Nhãn Decal	1000 chiếc						
6	Giấy thép kẻ	1000 thép						
7	Vở học sinh (quy loại 100 trang)	1000 quyển						

Màn hình ban đầu



2.1.6 Thoát ra khỏi chương trình

Thoát ra khỏi chương trình và quay lại Windows được thực hiện theo quy trình và thao tác dưới đây.



2.2. Danh sách

2.2.1. Danh sách doanh nghiệp

- Nếu người đăng nhập là PSO, danh sách doanh nghiệp sẽ là danh sách được chọn điều tra của tỉnh/thành phố đó. Nếu người đăng nhập là GSO, danh sách doanh nghiệp sẽ là danh sách toàn bộ các tỉnh/thành phố.

- Mỗi doanh nghiệp sẽ được định nghĩa bao gồm các thông tin sau: mã tỉnh/thành phố, mã quận/huyện, mã xã/phường và mã doanh nghiệp.

Ví dụ: Doanh nghiệp A ở Hà Nội sẽ được nhận dạng như sau: 101 - 03 - 01 – 001.

Có nghĩa là: doanh nghiệp này ở Hà Nội - Hanoi, Quận 03 – Quận Tây Hồ, Phường 01- Phường Bưởi và 001 là mã của doanh nghiệp đầu tiên thuộc Phường Bưởi.

2.2.2. Danh mục VSIC ngành cấp 4

Đó là danh mục ngành công nghiệp cấp 4. Nếu ngành nào được chọn trong điều tra thử này, nhập vào *Được chọn trong điều tra IIP*

2.2.3. Danh mục sản phẩm công nghiệp VCPC

Danh sách sản phẩm thuộc những ngành đã lựa chọn theo VCPC.

2.2.4. Danh mục người sử dụng

Có hai đối tượng sử dụng với tên và mật khẩu là PSO và GSO. Đây chỉ là tên và mật khẩu để chạy thử. Khi sử dụng, các tỉnh cần bỏ hai người sử dụng này và để quản lý người nhập tin, người quản lý cần cấp cho mỗi người nhập tin một account (bao gồm cả tên người sử dụng và mật khẩu). Điều này là bắt buộc vì nó sẽ giúp quản lý biết ai đã nhập tin và cập nhật số liệu cũng như nâng cao trách nhiệm của những người nhập tin và điều chỉnh số liệu.

2.3. Tiện ích

2.3.1. Ghép số liệu từ các máy tính khác nhau

2.3.2. Thay đổi nền màn hình

Chức năng này cho phép người sử dụng có thể sử dụng những hình ảnh yêu thích làm nền màn hình.

2.3.3. Xác định mã tỉnh/thành phố

Chức năng này cho phép những người sử dụng thay đổi mã tỉnh/thành phố.

2.3.4 Kiểm tra doanh nghiệp chưa nhập số liệu

Chức năng này giúp nhà quản lý kiểm tra thông tin như ai nhập tin và cập nhật số liệu, số liệu của toàn bộ tỉnh/thành phố cũng như các sản phẩm mới không được in sẵn trong phiếu điều tra đảm bảo đã được nhập tin.

Chức năng này có hai phần:

- Kiểm tra số liệu Sản xuất, Xuất kho, Tồn kho và Doanh thu thuần.

- Kiểm tra các số liệu khác (Tổng doanh thu thuần, thời gian điền phiếu điều tra và thông tin về doanh nghiệp)

2.4. Trợ giúp

2.4.1. Theo chủ đề

Trợ giúp từng chức năng của chương trình. Phím nóng là **F1**.

2.4.2. Về chương trình

Giới thiệu cho những người sử dụng về chương trình tính toán IIP cho điều tra công nghiệp hàng tháng.

3. Truyền số liệu hàng tháng

Hàng tháng, tỉnh/thành phố gửi hai file số liệu D và S trong thư mục **DATA** lên TCTK từ các máy tính khác nhau sau khi đã ghép tất cả các số liệu từ các máy nhập tin vào một máy chủ

Ví dụ: Cục TK Hà Nội gửi hai file lên Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng cho tháng báo cáo là tháng 5. Hai file này sẽ được gửi vào thư mục "*Tính toán thử nghiệm IIP 2004*" ("*IIP2004 Test Calculate*")

Tên của hai file trong thư mục **DATA** của máy chủ là:

- **D0405101.dbf**

- **S0405101.dbf**

Trong đó: + 04 biểu thị năm 2004

+ 05 biểu thị của tháng 5

+ 101 Mã của Hà Nội

3.1 Yêu cầu về cấu hình của máy tính

Để chạy chương trình, máy tính cần phải là Pentium II hoặc cao hơn, dung lượng ổ cứng tối thiểu là 20 MB, Windows 9x, Windows XP, Windows 2000, Windows NT 4.0 trở lên.

Phụ lục 1 BẢNG THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên Cơ sở dữ liệu:

Điều tra hàng tháng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu (MSMIP)

	Chức năng	Đối tượng	Tên đối tượng	Kiểm tra
1.	Quản lý thông tin chi tiết về doanh nghiệp và cơ sở kinh tế trên phạm vi toàn quốc (Thông tin bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, mã số thuế, tên ngành, vv.)	Bảng	Bảng doanh nghiệp và cơ sở kinh tế	<input type="checkbox"/>
2.	Quản lý số VSIC ngành cấp 4 và các sản phẩm của từng ngành.	Bảng	Bảng quản lý ngành	<input type="checkbox"/>
3.	Quản lý mã VSIC ngành cấp 4 và VCPC để đảm bảo sự tương thích của hai chỉ tiêu.	Bảng	Bảng quản lý VCPC	<input type="checkbox"/>
4.	Quản lý mã tỉnh và tên tỉnh để đảm bảo sự tương thích.	Bảng	Bảng tỉnh	<input type="checkbox"/>
5.	Tạo và xác nhận tên của doanh nghiệp và cơ sở kinh tế theo thứ tự alphabe.	Mẫu	Mẫu tên	<input type="checkbox"/>
6.	Tìm kiếm theo doanh nghiệp và cơ sở kinh tế.	Câu hỏi	Câu hỏi tìm kiếm doanh nghiệp/cơ sở kinh tế	<input type="checkbox"/>
7.	Tìm kiếm theo loại ngành, doanh nghiệp Nhà nước Trung ương, Nhà nước địa phương, DN tư nhân, DN đầu tư nước ngoài.	Câu hỏi	Câu hỏi tìm kiếm loại hình doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
8.	Tìm kiếm doanh nghiệp/cơ sở kinh tế theo mã số thuế	Câu hỏi	Câu hỏi mã số thuế	<input type="checkbox"/>
9.	Tìm kiếm doanh nghiệp/cơ sở kinh tế theo số điện thoại	Câu hỏi	Câu hỏi số điện thoại	<input type="checkbox"/>
10.	Tìm kiếm và lên danh sách doanh nghiệp/cơ sở kinh tế theo ngành hoạt động.	Mẫu câu hỏi	Câu hỏi tìm kiếm ngành Câu hỏi liệt kê ngành	<input type="checkbox"/>
11.	Xác nhận và in ra sản xuất của tháng báo cáo theo doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.	Báo cáo mẫu câu hỏi	Câu hỏi sản xuất Mẫu sản xuất Báo cáo sản xuất	<input type="checkbox"/>
12.	Xác nhận và in ra xuất kho của tháng báo cáo theo doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.	Báo cáo mẫu câu hỏi	Câu hỏi xuất kho Mẫu xuất kho Báo cáo xuất kho	<input type="checkbox"/>

Phụ lục 1 BẢNG THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

	Chức năng	Đối tượng	Tên đối tượng	Kiểm tra
13.	Xác nhận và in ra tiêu thụ nội bộ của tháng báo cáo theo doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.	Báo cáo mẫu câu hỏi	Câu hỏi tiêu thụ nội bộ Mẫu tiêu thụ nội bộ Báo cáo tiêu thụ nội bộ	
14.	Xác nhận và in ra tồn kho cuối kỳ của tháng báo cáo theo doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.	Báo cáo mẫu câu hỏi	Câu hỏi tồn kho cuối kỳ Mẫu tồn kho cuối kỳ Báo cáo tồn kho cuối kỳ	
15.	Xác nhận và in ra trị giá hàng xuất kho của tháng báo cáo theo doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.	Báo cáo mẫu câu hỏi	Câu hỏi trị giá hàng xuất kho Mẫu trị giá hàng xuất kho Báo cáo trị giá hàng xuất kho	
16.	Xác nhận và in ra sản xuất dự tính tháng tiếp theo theo doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.	Báo cáo mẫu câu hỏi	Câu hỏi sản xuất dự tính Mẫu sản xuất dự tính Báo cáo sản xuất dự tính	
17.	Xác nhận và in ra tổng doanh thu thuần của tháng báo cáo theo doanh nghiệp/cơ sở kinh tế.	Báo cáo mẫu câu hỏi	Câu hỏi tổng doanh thu thuần Mẫu tổng doanh thu thuần Báo cáo tổng doanh thu thuần	
18.	Xác nhận chữ ký của người chịu trách nhiệm điền phiếu của mỗi doanh nghiệp/cơ sở kinh tế trên	Câu hỏi	Câu hỏi xác nhận chữ ký người điền phiếu	
19.	Xác nhận chữ ký của người phụ trách doanh nghiệp/cơ sở kinh tế của mỗi doanh nghiệp/cơ sở	Câu hỏi	Câu hỏi xác nhận chữ ký người phụ trách	
20.	Tìm kiếm số người điền phiếu hàng ngày.	Câu hỏi	Câu hỏi tìm kiếm hàng ngày	
21.	Tìm kiếm nhận xét của người điền phiếu trong phiếu điều tra	Câu hỏi	Câu hỏi tìm kiếm	

Phụ lục 2 Danh sách các bảng

Danh sách các bảng được tạo bởi FoxPro

#	Tên bảng	Mô tả	Chức năng của Bảng	Mục tiêu trong Điều tra thứ 2
1.	Table Province	Tên và mã tất cả các tỉnh	Liệt kê toàn bộ 64 tỉnh/tp	9 tỉnh/tp
2.	Table District	Tên và mã tất cả các huyện	Liệt kê toàn bộ 631 huyện	Tất cả các huyện trong 9 tỉnh/tp
3.	Table Commune	Tên và mã tất cả các xã	Liệt kê tất cả các xã	Tất cả các xã trong tỉnh/tp
4.	Table Establishment	Tên và thông tin của tất cả các cơ sở kinh tế	Liệt kê tất cả cơ sở kinh tế	2000 cơ sở kinh tế điều tra
5.	Table Commodities	Tên và mã của tất cả các sản phẩm điều tra.	Liệt kê toàn bộ sản phẩm	48 sản phẩm

Phụ lục 3 Cấu trúc File của IIP 2005 (1/3)

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
baocao.DBF	nganh	VSIC	Số	4	0	
	ma	VCPC	Số	5	0	
	stt	Order number	Số	3	0	
	ten	Name of products	Ký tự	254		
	dvt	Unit	Ký tự	15		
	c1	Aux.	Số	10		1

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
chuanhap.DBF	macs	Enterprise	Số	3	0	
	tencs	Name of products	Ký tự	70		
	mathue	Tax code	Ký tự	10		
	dchi	Address	Ký tự	70		
	tinhh	Province	Số	3	0	
	huyen	District	Số	2	0	
	xa	Commune	Số	2	0	
	lienlac	Contact person	Ký tự	50		
	dthoai	Telephone number	Ký tự	15		
	fax	fax number	Ký tự	15		
	lhdn	Type of enterprise	Số	2	0	
	nganh	VSIC code	Số	4	0	

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
danh sach.DBF	macs	Enterprise	Số	3	0	
	tencs	Name of products	Ký tự	70		
	mathue	Tax code	Ký tự	10		
	dchi	Address	Ký tự	70		
	tinhh	Province	Số	3	0	
	huyen	District	Số	2	0	
	xa	Commune	Số	2	0	
	lienlac	Contact person	Ký tự	50		
	dthoai	Telephone number	Ký tự	15		
	fax	fax number	Ký tự	15		
	lhdn	Type of enterprise	Số	2	0	
	nganh	VSIC	Số	4	0	

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
dmbaocao.DBF	ma	VCPC	Số	2	0	
	ten	Name of products	Ký tự	30		

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
DMHC.DBF	ma_tinh	Province	Số	3	0	
	ma_huyen	District	Số	2	0	
	ma_xa	Commune	Số	2	0	
	ten	Name of products	Ký tự	60		

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
dmnganh.DBF	ma	VCPC	Số	4	0	
	Chitiet	Order number	Số	1	0	
	ten	Name of products	Ký tự	150		

Phụ lục 3 Cấu trúc File của IIP 2005 (2/3)

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
dsdn.DBF	macs	Enterprise	Số	3	0	
	tencs	Name of products	Ký tự	70		
	mathue	Tax code	Ký tự	10		
	dchi	Address	Ký tự	70		
	tinhh	Province	Chữ số	3	0	
	huyen	District	Chữ số	2	0	
	xa	Commune	Chữ số	2	0	
	lienlac	Contact person	Ký tự	50		
	dthoai	Telephone number	Ký tự	15		
	fax	fax number	Ký tự	15		
	lhdn	Type of enterprise	Chữ số	2	0	
	nganh	VSIC	Chữ số	4	0	

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
loilogic.DBF	tinhh	Province	Chữ số	3	0	
	huyen	District	Chữ số	2	0	
	xa	Commune	Chữ số	2	0	
	macs	Enterprise	Chữ số	2	0	

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
QUYEN.DBF	quyen	Administrator	Ký tự	10		

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
REGISTRY.DBF	ma_tinh	Province	Chữ số	3	0	
	ftp_path	ftp path name	Ký tự	250		
	wall_paper	Wall paper background	Ký tự	100		
	auto_UD	Auto loading	Logical	1		
	thang	Month	Ký tự	2		
	nam	Year	Ký tự	4		
	thang1	Month 1	Ký tự	2		
	nam1	Year 1	Ký tự	4		

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
temp.DBF	ma	VPCP	Chữ số	5	0	
	stt	Order number	Chữ số	3	0	
	ten	Name of products	Ký tự	254		
	dvt	Unit	Ký tự	10		
	sanxuat	Production	Chữ số	15	1	
	tonkho	Ending inventory	Chữ số	15	1	
	xuatkho	Shipment	Chữ số	15	1	
	dthu	Net turnover	Chữ số	15	1	
	tinhh	Province	Chữ số	3	0	
	huyen	District	Chữ số	2	0	
	xa	Commune	Chữ số	2	0	
	macs	Enterprise	Chữ số	3	0	
	nganh	VSIC	Chữ số	4	0	
	thang	Month	Chữ số	2	0	
	nam	Year	Chữ số	2	0	
	nhaptin	Data encoder	Ký tự	60		
	capnhat	Revised by	Ký tự	60		

Phụ lục 3 Cấu trúc File của IIP 2005 (3/3)

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
tmp.DBF	tin	Province	Chữ số	3	0	
	huyen	District	Chữ số	2	0	
	xa	Commune	Chữ số	2	0	
	macs	Enterprise	Chữ số	3	0	
	tencs	Name of products	Ký tự	70		
	dthoi	Telephone number	Ký tự	15		
	fax	fax number	Ký tự	15		
	mathue	Tax code	Ký tự	10		
	lienlac	Contact person	Ký tự	70		
	lhdn	Type of enterprise	Ký tự	2	0	
	nganh	VSIC	Ký tự	4	0	
	thang	Month	Ký tự	2	0	
	nam	Year	Ký tự	4	0	
	dthu	Net turnover	Ký tự	15	1	
	tgian	Time required to fill out	Ký tự	10	1	
	dokho	Hardness to fill out	Ký tự	1	0	
	sudong	Usefulness of survey	Ký tự	1	0	
	nhap tin	Data encoder	Ký tự	60		
	capnhat	Revised by	Ký tự	60		

Tên File	Tên trường	Tên trường (Tiếng Anh)	Loại	Chiều rộng	Thập phân	Chỉ số
USERS.DBF	users	Users	Ký tự	40		
	mat_khau	Organization	Ký tự	10		
	quyen	Administrator	Ký tự	10		

Phụ lục 4 Danh sách mã tỉnh/thành phố (Trang 1/3)

No.	Tên đơn vị hành chính	English	Mã mới
1.	THÀNH PHỐ HÀ NỘI (9 quận, 5 huyện)	HANOI	01
2.	TỈNH HÀ GIANG (1 thị xã, 10 huyện)	HA GIANG	02
3.	TỈNH CAO BẰNG (1 thị xã, 12 huyện)	CAO BANG	04
4.	TỈNH BẮC KẠN (1 thị xã, 7 huyện)	BAC KAN	06
5.	TỈNH TUYỀN QUANG (1 thị xã, 5 huyện)	TUYEN QUANG	08
6.	TỈNH LÀO CAI (1 thị xã, 8 huyện)	LAO CAI	10
7.	TỈNH ĐIỆN BIÊN (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	DIEN BIEN	11
8.	TỈNH LAI CHÂU (5 huyện)	LAI CHAU	12
9.	TỈNH SƠN LA (1 thị xã, 10 huyện)	SON LA	14
10.	TỈNH YÊN BÁI (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	YEN BAI	15
11.	TỈNH HOÀ BÌNH (1 thị xã, 10 huyện)	HOA BINH	17
12.	TỈNH THÁI NGUYÊN (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	THAI NGUYEN	19
13.	TỈNH LẠNG SƠN (1 thành phố, 10 huyện)	LANG SON	20
14.	TỈNH QUẢNG NINH (1 thành phố, 3 thị xã, 10 huyện)	QUANG NINH	22
15.	TỈNH BẮC GIANG (1 thị xã, 9 huyện)	BAC GIANG	24
16.	TỈNH PHÚ THỌ (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)	PHU THO	25
17.	TỈNH VINH PHÚC (2 thị xã, 7 huyện)	VINH PHUC	26
18.	TỈNH BẮC NINH (1 thị xã, 7 huyện)	BAC NINH	27
19.	TỈNH HÀ TÂY (2 thị xã, 12 huyện)	HA TAY	28
20.	TỈNH HẢI DƯƠNG (1 thành phố, 11 huyện)	HAI DUONG	30
21.	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (5 quận, 1 thị xã, 8 huyện)	HAI PHONG	31

Phụ lục 4 Danh sách mã tỉnh/thành phố (Trang 2/3)

22.	TỈNH HƯNG YÊN (1 thị xã, 9 huyện)	HUNG YEN	33
23.	TỈNH THÁI BÌNH (1 thành phố, 7 huyện)	THAI BINH	34
24.	TỈNH HÀ NAM (1 thị xã, 5 huyện)	HA NAM	35
25.	TỈNH NAM ĐỊNH (1 thành phố, 9 huyện)	NAM DINH	36
26.	TỈNH NINH BÌNH (2 thị xã, 6 huyện)	NINH BINH	37
27.	TỈNH THANH HOÁ (1 thành phố, 2 thị xã, 24 huyện)	THANH HOA	38
28.	TỈNH NGHỆ AN (1 thành phố, 1 thị xã, 17 huyện)	NGHE AN	40
29.	TỈNH HÀ TĨNH (2 thị xã, 9 huyện)	HA TINH	42
30.	TỈNH QUẢNG BÌNH (1 thị xã, 6 huyện)	QUANG BINH	44
31.	TỈNH QUẢNG TRỊ (2 thị xã, 7 huyện)	QUANG TRI	45
32.	TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (1 thành phố, 8 huyện)	THUA THIEN HUE	46
33.	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (5 quận, 2 huyện)	DA NANG	48
34.	TỈNH QUẢNG NAM (2 thị xã, 14 huyện)	QUANG NAM	49
35.	TỈNH QUẢNG NGÃI (1 thị xã, 13 huyện)	QUANG NGAI	51
36.	TỈNH BÌNH ĐỊNH (1 thành phố, 10 huyện)	BINH DINH	52
37.	TỈNH PHÚ YÊN (1 thị xã, 7 huyện)	PHU YEN	54
38.	TỈNH KHÁNH HOÀ (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	KHANH HOA	56
39.	TỈNH NINH THUẬN (1 thị xã, 4 huyện)	NINH THUAN	58
40.	TỈNH BÌNH THUẬN (1 thành phố, 8 huyện)	BINH THUAN	60
41.	TỈNH KON TUM (1 thị xã, 7 huyện)	KON TUM	62
42.	TỈNH GIA LAI (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện)	GIA LAI	64

Phụ lục 4 Danh sách mã tỉnh/thành phố (Trang 3/3)

43.	TỈNH ĐẮK LẮK (1 thành phố, 12 huyện)	DAK LAK	66
44.	TỈNH ĐẮK NÔNG (6 huyện)	DAK NONG	67
45.	TỈNH LÂM ĐỒNG (1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện)	LAM DONG	68
46.	TỈNH BÌNH PHƯỚC (1 thị xã, 7 huyện)	BINH PHUOC	70
47.	TỈNH TÂY NINH (1 thị xã, 8 huyện)	TAY NINH	72
48.	TỈNH BÌNH DƯƠNG (1 thị xã, 6 huyện)	BINH DUONG	74
49.	TỈNH ĐỒNG NAI (1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện)	DONG NAI	75
50.	TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	BA RIA - VUNG TAU	77
51.	TP. HỒ CHÍ MINH (19 quận, 5 huyện)	HO CHI MINH	79
52.	TỈNH LONG AN (1 thị xã, 13 huyện)	LONG AN	80
53.	TỈNH TIỀN GIANG (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	TIEN GIANG	82
54.	TỈNH BẾN TRE (1 thị xã, 7 huyện)	BEN TRE	83
55.	TỈNH TRÀ VINH (1 thị xã, 7 huyện)	TRA VINH	84
56.	TỈNH VĨNH LONG (1 thị xã, 6 huyện)	VINH LONG	86
57.	TỈNH ĐỒNG THÁP (2 thị xã, 9 huyện)	DONG THAP	87
58.	TỈNH AN GIANG (1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện)	AN GIANG	89
59.	TỈNH KIÊN GIANG (2 thị xã, 11 huyện)	KIEN GIANG	91
60.	THÀNH PHỐ CẦN THƠ (4 quận, 4 huyện)	CAN THO	92
61.	TỈNH HẬU GIANG (1 thị xã, 5 huyện)	HAU GIANG	93
62.	TỈNH SÓC TRĂNG (1 thị xã, 8 huyện)	SOC TRANG	94
63.	TỈNH BẠC LIÊU (1 thị xã, 5 huyện)	BAC LIEU	95
64.	TỈNH CÀ MAU (1 thành phố, 8 huyện)	CA MAU	96

4. MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA THỦ

**MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA
SỬ DỤNG TRONG
ĐIỀU TRA THỦ**

(48 Mẫu phiếu điều tra)

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1512
 Do Tổng cục Thống kê ban hành
 Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỪ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1512

- Ngành chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*
 * Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)
 4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN ĐP 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 2005

Xem hướng dẫn
 một sau để điền
 phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Thủy hải sản ướp lạnh	Tấn					
2	Thủy hải sản ướp đông	Tấn					
3	Thủy hải sản ướp muối, phơi khô, sấy khô, hun khói (Ví dụ: mực khô xé nhỏ)	Tấn					
4	Thủy hải sản đóng hộp						
	4-1	Cá ngừ đóng hộp	Tấn				
	4-2	Các loại thủy hải sản đóng hộp khác	Tấn				
5	Thủy hải sản xay nhỏ hoặc dạng mắm đặc	Tấn					
6	Nước mắm						
	6-1	Nước mắm cô đặc	Kg				
	6-2	Nước mắm các loại (trừ sản phẩm nước mắm cô đặc)	1000 lít				
7	Các sản phẩm thủy hải sản khác chưa được phân vào đâu	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng): Trong đó: Doanh thu thuần cộng nghiệp (Triệu đồng)

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu 15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế 16. Ngày ký

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho của cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Trị giá xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Là những sản phẩm thủy hải sản đã làm sạch, được bảo quản bằng đá lạnh hoặc trong phòng lạnh, ở nhiệt độ 0°C.

Sản phẩm 2:

Là những sản phẩm thủy hải sản đã làm sạch, qua công đoạn cấp đông (hạ xuống nhiệt độ 45°C).

Sản phẩm 3:

Các sản phẩm thủy hải sản muối, sấy khô hoặc hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình muối, sấy khô hoặc hun khói. Sản phẩm này bao gồm cả gan, bọc trứng cá sấy khô, ướp muối, hun khói.

Sản phẩm 4 - 1:

Cá ngừ đóng hộp

Sản phẩm 4 - 2:

Các loại cá và hải sản đóng hộp khác.

Sản phẩm 5:

Các loại thủy hải sản được chế biến bằng cách xay nhỏ, hoặc chế biến dưới dạng mắm đặc như: mắm cá, mắm tôm tép moi, tôm chua v.v...

Sản phẩm 6 - 1:

Nước mắm cô đặc.

Sản phẩm 6 - 2:

Nước mắm các loại (trừ sản phẩm nước mắm cô đặc).

Sản phẩm 7:

Thủy hải sản chế biến khác như: nấu chín làm thức ăn sẵn, xúc xích, giăm bông, chế biến thức ăn gia súc gia cầm và chế biến các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1514
 Do Tổng cục Thống kê ban hành
 Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

PHIẾU ĐIỀU TRA THỨ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1514
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo của năm 2007

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)
 4-1 DNNN TƯ' 4-2 DNNN ĐP 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
 mặt sau để điền
 phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Dầu thực vật thô	Tấn					
Dầu thực vật tinh luyện							
2	2-1 Dầu đậu nành	Tấn					
	2-2 Dầu cọ	Tấn					
	2-3 Dầu dừa	Tấn					
	2-4 Dầu thực vật khác	Tấn					
3	Mỡ động vật	Tấn					
4	Margarin (Bơ thực vật)	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng): Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhập gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Trị giá xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Đây báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hoá mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Là các sản phẩm dầu thực vật bằng các phương pháp ép, chưng cất hoặc hydro hoá một phần, nhưng ở dạng thô, chưa được tinh luyện lại.

Sản phẩm 2 - 1:

Dầu đậu nành

Sản phẩm 2 - 2:

Dầu cọ

Sản phẩm 2 - 3:

Dầu dừa

Sản phẩm 2 - 4:

Các loại dầu tinh luyện như dầu lạc, dầu vừng (mè), dầu ô liu v.v...

Sản phẩm 3:

Mỡ động vật và gia cầm, còn sống hoặc rán chín, đông lạnh, muối, sấy khô, hun khói. Mỡ ép từ cá và gan cá.

Sản phẩm 4:

Bơ được làm từ dầu thực vật bao gồm cả dạng lỏng.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1520
 Do Tổng cục Thống kê ban hành
 Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

PHIẾU ĐIỀU TRA THỨ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1520
- Ngành sản xuất sản phẩm bơ, sữa -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)
 4-1 DNNN TƯ' 4-2 DNNN ĐP 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng		Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)	(9)
1	Sữa hộp đặc có đường	1000 hộp				
2	Sữa tươi tiệt trùng các loại	1000 lít				
3	Sữa bột các loại	Tấn				
4	Bơ các loại	Tấn				
5	Pho mát	Tấn				
6	Sữa chua các loại	1000 lít				
7	Kem và các loại tương tự	Tấn				
8	Các sản phẩm sữa khác chưa được phân vào đầu	Tấn				

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

I. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

I. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

I. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

I. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

I. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

I. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

I. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

I. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

I. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

I. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nhận thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hoá mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghệ.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Sữa hoặc kem được cô đặc và tăng độ ngọt, đóng hộp.

Sản phẩm 2:

Sữa tươi tiệt trùng các loại.

Sản phẩm 3:

Sữa hoặc kem sữa ở dạng bột hoặc các dạng rắn khác, có hoặc không có đường.

Sản phẩm 4:

Bơ, dầu và các chất béo khác chiết xuất từ sữa.

Sản phẩm 5:

Pho mát tươi (không ủ chín, không chế biến) bao gồm bơ lỏng và bơ đông, pho mát whey và sữa đông dùng làm pho mát, pho mát đã xát nhỏ hoặc làm thành bột, pho mát chế biến, pho mát vụn xanh, pho mát dây và các loại khác bao gồm cả hỗn hợp.

Sản phẩm 6:

Các loại sữa chua, có hoặc không có đường, có lượng liệu hoặc sữa chua hỗn hợp các loại thực phẩm khác như hoa quả.

Sản phẩm 7:

Kem, có hoặc không chứa lượng liệu hay gồm các loại thực phẩm khác.

Sản phẩm 8:

Các sản phẩm sữa khác như whey, sữa lên men và các sản phẩm khác.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Gồm hai loại: gạo đã xay xát và cả gạo xay xát rồi đánh bóng.

Sản phẩm 2:

Bột ngũ cốc thô, được làm từ ngũ cốc đã xát sạch hoặc ngũ cốc lứt.

Sản phẩm 3:

Bột thô của khoai lang, khoai mì, khoai sọ, loại trừ khoai tây.

Sản phẩm 4:

Các loại bột khác làm từ thân hay rễ, củ quả khác như: bột sắn dây, bột năng, bột dong riềng v.v...

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1533
Do Tổng cục Thống kê ban hành
Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh

PHIẾU ĐIỀU TRA THỬ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1533 - Ngành sản xuất thực ăn gia súc -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*
* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp) 4-1 DNNN TƯ' 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 200*

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Thực ăn cho gia súc, gia cầm các loại	Tấn					
2	Thực ăn cho thủy sản	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng): Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Trị giá xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Thứ ăn cho gia súc gia cầm làm từ các loại động thực vật và phế liệu, phế phẩm của các nhà máy khác, ở dạng lỏng, đặc, bột, viên...loại trừ thuốc tăng trọng.

Sản phẩm 2:

Thứ ăn cho thủy sản làm từ các loại động thực vật và phế liệu, phế phẩm của các nhà máy khác, ở dạng lỏng, đặc, bột, viên...loại trừ thuốc tăng trọng.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1542
 Do Tổng cục Thống kê ban hành
 Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

PHIẾU ĐIỀU TRA THỬ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1542
- Ngành sản xuất đường -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ở này.

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

2. Mã số thuế

7. Tháng báo cáo của năm 2007

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)
 4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN ĐP 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
 mặt sau để điền
 phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Đường thô và mật (đường bánh, đường thùng, mật)	Tấn					
2	Đường kính						
	2-1	Đường tinh chế (đường luyện) - RE	Tấn				
	2-2	Đường chưa luyện - RS	Tấn				
3	Đường chế biến khác	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cộng nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Trị giá xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Đường mới ép từ nguyên liệu và được cô đặc như mật mía, hoặc đồ khuôn như đường phôi, đường thốt nốt.

Sản phẩm 2 - 1:

Đường tinh luyện dạng hạt nhỏ hay dạng bột, làm từ củ cải đường, cây mía, v.v...

Sản phẩm 2 - 2:

Đường vàng, đường hoa mai.

Sản phẩm 3:

Các sản phẩm đường hay xi rô khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1544
 Do Tổng cục Thống kê ban hành
 Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PSD sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

PHIẾU ĐIỀU TRA THỨ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1544
- Ngành sản xuất các sản phẩm khác từ bột -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp.
 (chọn ô phù hợp) 4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
MI từ bột mỳ sống							
1	1-1 Mi thanh, mi ống, mi xoắn	Tấn					
	1-2 Mi cuộn	Tấn					
2	Mì ăn liền	Tấn					
Sản phẩm từ các loại bột khác							
3	3-1 Bún, bánh phở tươi	Tấn					
	3-2 Miến, bánh đa khô	Tấn					
	3-3 Bún, phở, cháo ăn liền	Tấn					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Chỉ đáng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Dánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nhận thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1 - 1:

Mì được cán từ bột mỳ sống, có thể trộn thêm một số thực phẩm khác như trứng, gia vị, nghệ... rồi qua công đoạn sấy khô. Thành phẩm ở các dạng thanh tròn, thanh dẹt, hình ống, hình nơ hoặc xoắn, v.v...

Sản phẩm 1 - 2:

Mì dạng cuộn với sợi mỳ dạng thanh tròn, thanh dẹt hoặc các loại khác. Sản phẩm này thường được dùng cho món lẩu hoặc dùng với các thành phần khác.

Sản phẩm 2:

Mì ăn liền.

Sản phẩm 3 - 1:

Bún, bánh phở tươi.

Sản phẩm 3 - 2:

Miến, bánh đa khô

Sản phẩm 3 - 3:

Bún, phở, cháo ăn liền.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1549

- Ngành sản xuất các thực phẩm khác chưa được phân vào đâu -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

5. Người điền phiếu

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

6. Số điện thoại

7. Tháng báo cáo của năm 2007

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)

4-1 DN NN TƯ 4-2 DN NN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng	
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	
1	Cà phê							
	1-1	Cà phê bột các loại (bao gồm cả phê hương liệu)	Tấn					
	1-1	Cà phê hòa tan (chứa đường, sữa, vv)	Tấn					
	1-3	Cà phê đen hoà tan	Tấn					
2	Chè							
	2-1	Trà xanh nguyên chất các loại	Tấn					
	2-2	Các loại chè khác trừ trà xanh (bao gồm chè hương liệu)	Tấn					
3	Bột ngọt các loại	Tấn						
4	Bột dinh dưỡng	Tấn						
5	Trứng muối	1000 quả						
6	Nước chấm các loại	1000 lít						
7	Dấm	1000 lít						
8	Nước xốt các loại (xốt cà chua, ...)	Tấn						
9	Muối iốt	Tấn						
10	Bột gia vị, bột nêm, viên súp	Tấn						
11	Đậu phụ	Tấn						
12	Nước đá	Tấn						
13	Các loại hạt (dã rang hoặc chế biến, nhân hoặc mầm các loại)	Tấn						
14	Các loại thực phẩm khác	Tấn						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cộng nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hoá mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1 - 1:

Cà phê dạng bột mịn được xay từ cà phê hạt đã rang chín, có hoặc chưa pha hương liệu.

Sản phẩm 1 - 2:

Cà phê lọc bã uống liền, có trộn thêm đường và sữa, đã hoặc chưa khử chất cafein.

Sản phẩm 1 - 3:

Cà phê tinh chất, đã hoặc chưa khử cafein, có hoặc không pha hương liệu.

Sản phẩm 2 - 1:

Lá chè đã qua sao tẩm, giữ nguyên hàm lượng ta-nanh vốn có, có hoặc không tẩm hương liệu. Sản phẩm này bao gồm cả trà xanh túi lọc.

Sản phẩm 2 - 2:

Lá chè qua công đoạn chế biến, lọc bớt hàm lượng ta-nanh, có hoặc không tẩm hương liệu. Sản phẩm này bao gồm cả chè đen túi lọc.

Sản phẩm 3:

Bột ngọt làm từ các chất đã được thay đổi thành phần hoá học như muối natri của axit glutamic.

Sản phẩm 4:

Bột làm từ nhiều thành phần như bột mì, ngũ cốc, trứng và các chất dinh dưỡng khác.

Sản phẩm 5:

Trứng muối.

Sản phẩm 6:

Sản phẩm chế biến từ thực vật, chủ yếu là đậu nành (đậu tương), qua công đoạn ủ, lên men, gia nhiệt hoặc không như: magi (xi đậu), tương, chao v.v...

Sản phẩm 7:

Dấm các loại.

Sản phẩm 8:

Nước cốt các loại, đã hoặc chưa trộn với các thành phần khác như cà chua, nước, kem sữa.

Sản phẩm 9:

Muối ăn và natri clorua nguyên chất có chứa iốt.

Sản phẩm 10:

Bột gia vị, bột nêm, viên súp.

Sản phẩm 11:

Đậu phụ.

Sản phẩm 12:

Đá dùng để uống các loại đồ uống, bia và nước. Không bao gồm các loại kem ăn được và các sản phẩm tương tự.

Sản phẩm 13:

Các loại hạt đã rang hoặc chế biến, nhân hoặc mầm các loại như hạt điều.

Sản phẩm 14:

Các loại thực phẩm khác như các sản phẩm dạng hạt, mật nhân tạo, caramen và các sản phẩm khác được coi là thực phẩm.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1553
Do Tổng cục Thống kê ban hành
Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỪ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
------	-------	----	---------------

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1553 - Ngành sản xuất bia và mạch nha -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy
------------	--------

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

 của năm 2007

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô chủ hươ)

4-1 DNNN TƯ

4-2 DNNN

4-3 DN có vốn ĐTNN

4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Bia hơi	1000 lít					
2	Bia đóng chai	1000 lít					
3	Bia đóng lon	1000 lít					
4	Các loại bia khác chưa được phân vào đầu (Ví dụ: bia tươi,...)	1000 lít					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cùng nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/tuyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mã cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Trị giá xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Bia hơi được làm từ mạch nha, lúa mì, ngô, gạo và yến mạch, chưa được tiệt trùng, đóng vào các thùng dẹt.

Sản phẩm 2:

Bia được làm từ mạch nha, lúa mì, ngô, gạo và yến mạch, đóng chai.

Sản phẩm 3:

Bia được làm từ mạch nha, lúa mì, ngô, gạo và yến mạch, đóng lon.

Sản phẩm 4:

Các loại bia khác chưa được phân vào các sản phẩm trên. Ví dụ: bia tươi, bia pha hương liệu.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1554
Do Tổng cục Thống kê ban hành
Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỨ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
------	-------	----	---------------

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1554 - Ngành sản xuất đồ uống không cồn -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*
* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)
4-1 DN NN TƯ 4-2 DN NN ĐP 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Nước uống có ga (không kể nước khoáng)	1000 lít					
Nước uống không có ga (không kể nước tinh khiết)							
2	2-1 Nước quả các loại	1000 lít					
	2-2 Các loại đồ uống không có ga khác chưa được phân vào đầu	1000 lít					
3	Nước tinh khiết	1000 lít					
4	Nước khoáng	1000 lít					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng): Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu _____
15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế _____
16. Ngày ký _____
Chữ ký _____ Ngày _____

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.
Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Các loại đồ uống có ga như soda hoặc đồ uống ngọt có ga và pha hương liệu như nước cam, pepsi, cocacola, 7 up, v.v...

Sản phẩm 2 - 1:

Nước quả như nước cam, nước bưởi, nước quýt, nước dứa, nước cà chua, nước nho, nước táo, nước dâu và các loại nước quả hỗn hợp.

Sản phẩm 2 - 2:

Nước uống không ga không chứa rau quả như nước uống dùng trong thể thao, nước uống có chứa vitamin, nước uống dinh dưỡng.

Sản phẩm 3:

Nước tinh khiết không được lấy từ mạch nước ngầm, không đường và không mùi

Sản phẩm 4:

Nước khoáng không đường, không mùi.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quỹ, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1- 1:

Các loại thuốc lá điếu chứa sợi thuốc lá và các sợi thay thế khác, được gắn đầu lọc.

Sản phẩm 1 - 2:

Các loại thuốc lá điếu chứa sợi thuốc lá và các sợi thay thế khác, không có đầu lọc.

Sản phẩm 2:

Xì gà và xì gà xén hai đầu có chứa sợi thuốc lá và các sợi thay thế khác.

Sản phẩm 3:

Lá thuốc lá được sao, tẩm hương liệu hoặc không, đã đóng gói.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1711

Do Tổng cục Thống kê ban hành

Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỬ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1711 - Ngành sản xuất sợi và dệt vải -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

5. Người điền phiếu

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

6. Số điện thoại

7. Tháng báo cáo của năm 2007

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)

4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Sợi xe								
1	1-1 Sợi xe từ sợi tơ tằm	Tấn						
	1-2 Sợi xe từ sợi len	Tấn						
	1-3 Sợi xe từ sợi bông	Tấn						
	1-4 Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên khác	Tấn						
Sợi xe từ sợi tổng hợp hoặc nhân tạo								
2	2-1 Sợi xe từ sợi ny lông	Tấn						
	2-2 Sợi xe từ sợi acrylic	Tấn						
	2-3 Sợi xe từ sợi polyester	Tấn						
	2-4 Sợi xe từ các sợi tổng hợp khác	Tấn						
3	Chỉ khâu các loại	Tấn						
Vải dệt các loại								
4	4-1 Vải dệt từ sợi bông	1000 m ²						
	4-2 Vải dệt từ sợi tơ tằm	1000 m ²						
	4-3 Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo	1000 m ²						
	4-4 Vải dệt từ sợi len	1000 m ²						
5	Vải hạt	1000 m ²						
6	Vải mảnh các loại (chuyên dùng làm lót cho lớp xe)	1000 m ²						
7	Khăn mặt, khăn tắm	Tấn						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cùng nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập)

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy)

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất (trong tháng)

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho (trong tháng)

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (không gộp tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho (trong tháng) (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất (tháng tiếp theo)

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp cung cấp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hoá mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1 - 1:

Sợi tơ tằm với hơn 50% chất liệu làm từ tơ tằm, được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 1 - 2:

Sợi len với hơn 50% chất liệu làm từ len được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 1 - 3:

Sợi cotton với hơn 50% chất liệu làm từ bông, được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 1 - 4:

Sợi xe từ sợi tự nhiên, trừ các loại sợi kể trên với hơn 50% chất liệu làm từ sợi tự nhiên được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 2 - 1:

Sợi xe từ sợi ni lông với hơn 50% chất liệu làm từ ni lông, được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 2 - 2:

Sợi xe từ sợi acrylic với hơn 50% chất liệu làm từ acrylic, được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 2 - 3:

Sợi xe từ sợi polyester với hơn 50% chất liệu làm từ polyeste, được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 2 - 4:

Sợi xe từ sợi tổng hợp, trừ các loại sợi kể trên với hơn 50% chất liệu làm từ sợi tổng hợp được hoặc không được nhuộm và được đưa ra bán (loại trừ chỉ khâu).

Sản phẩm 3:

Chỉ khâu các loại được làm từ sợi tự nhiên, sợi nhân tạo và các loại sợi kết hợp, được hoặc không được nhuộm.

Sản phẩm 4 - 1:

Vải dệt từ sợi bông với hơn 50% chất liệu làm từ bông, được hoặc không được nhuộm. Không bao gồm vải bạt.

Sản phẩm 4 - 2:

Vải dệt từ sợi tơ tằm với hơn 50% chất liệu làm từ tơ tằm, được hoặc không được nhuộm.

Sản phẩm 4 - 3:

Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo với hơn 50% chất liệu làm từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo, được hoặc không được nhuộm.

Sản phẩm 4 - 4:

Vải dệt từ sợi len với hơn 50% chất liệu làm từ len, được hoặc không được nhuộm.

Sản phẩm 5:

Vải bạt làm từ sợi bông và các loại sợi khác, được hoặc không được nhuộm, tẩy trắng và in hoa.

Sản phẩm 6:

Lớp lót của các loại lốp xe như lốp xe máy, lốp xe ô tô, được làm từ bất kỳ chất liệu nào như vải bạt, sợi tổng hợp và các loại khác.

Sản phẩm 7:

Khăn mặt và khăn tắm các loại được làm hoặc không được làm từ các sợi tự nhiên và sợi nhân tạo.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1810

Do Tổng cục Thống kê ban hành

Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỪ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1810

- Ngành sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú) -

1-1. Tên Doanh nghiệp

5. Người điền
phiếu

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

6. Số điện thoại

Mã khu vực	Số máy
<input type="text"/>	<input type="text"/>

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

7. Tháng báo cáo

 của năm 2007

4. Loại hình
doanh nghiệp
(chọn ô phù hợp)

4-1 DN NN TƯ

4-2 DN NN

4-3 DN có vốn ĐTNN

4-4 DN ngoài quốc doanh

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Quần áo len các loại	1000 cái					
2	Quần áo dệt kim các loại	1000 cái					
3	Áo khoác và áo Jắc két						
	3-1	Cho người lớn	1000 cái				
	3-2	Cho trẻ em	1000 cái				
4	Quần áo mặc thường (quần, áo, áo dài, váy)						
	4-1	Cho người lớn	1000 cái				
	4-2	Cho trẻ em	1000 cái				
5	Quần áo thể thao	1000 cái					
6	Quần áo bảo hộ lao động	1000 cái					
7	Quần áo lót các loại (không kể hàng dệt kim)	1000 cái					
8	Bộ com lê	Bộ					
9	Quần áo bằng da	1000 cái					
10	Quần áo giả da	1000 cái					
11	Găng tay (trừ găng tay thể thao, găng tay bằng cao su hoặc găng tay đơn)	1000 đôi					
12	Mũ may các loại	1000 cái					
13	Các sản phẩm may mặc khác	1000 cái					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng):

Trong đó: Doanh thu thuần cung nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký

Chữ ký

Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nhận thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.
Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Quần áo len các loại được hoặc không được dệt kim, đan hoặc móc, bao gồm cả các sản phẩm với trên 50% len từ len như vảy đàn, quần, chân váy, áo dài tay, áo choàng, áo sơ mi, áo chui đầu và các sản phẩm may mặc bằng len khác dành cho người lớn và trẻ em. Không bao gồm áo khoác, áo jacket, quần áo vét, găng tay và găng tay hở ngón, mũ và quần áo lao động.

Sản phẩm 2:

Các sản phẩm dệt kim, đan hoặc móc các loại "không phải sản phẩm len", bao gồm áo dài tay, áo cổ hoặc không tay, váy, áo khoác, áo sơ mi, quần, đồ lót và các sản phẩm không làm từ len khác được dệt kim, đan hoặc móc. Không bao gồm áo khoác, áo jacket, quần áo vét, găng tay và găng tay hở ngón, mũ, quần áo lao động và quần áo thể thao.

Sản phẩm 3 - 1:

Áo khoác và áo jac kết dành cho người lớn được hoặc không được dệt kim, đan hoặc móc và làm từ mọi chất liệu kể cả len. Không bao gồm bộ quần áo vét (áo jacket và quần là một bộ), quần áo lao động và áo khoác và áo jacket bằng da.

Sản phẩm 3 - 2:

Áo khoác và áo jac kết dành cho trẻ em được hoặc không được dệt kim, đan hoặc móc và làm từ mọi chất liệu kể cả len. Không bao gồm bộ quần áo vét (áo jacket và quần là một bộ), quần áo lao động và áo khoác và áo jacket bằng da.

Sản phẩm 4 - 1:

Quần áo mặc thường dành cho người lớn, bao gồm các sản phẩm không được dệt kim và đan móc như áo sơ mi, quần jean, quần, váy, áo gi-lê và áo khoác. Không bao gồm các sản phẩm bằng len, áo choàng hoặc áo jacket, các sản phẩm dệt kim, quần áo thể thao và quần áo lót.

Sản phẩm 4 - 2:

Quần áo mặc thường dành cho trẻ em, bao gồm các sản phẩm không được dệt kim và đan móc như áo sơ mi, quần jean, quần, váy, áo gi-lê và áo khoác. Không bao gồm các sản phẩm bằng len, áo choàng hoặc áo jacket, các sản phẩm dệt kim, quần áo thể thao và quần áo lót.

Sản phẩm 5:

Quần áo thể thao các loại dành cho người lớn được hoặc không được đan hoặc móc, bao gồm bộ đồ trượt tuyết, bộ đồ bơi. Không bao gồm các sản phẩm bằng len.

Sản phẩm 6:

Quần áo chuyên dùng trong lao động của nam giới và nữ giới, kể cả quần áo bảo hộ lao động được hoặc không được làm bằng len, dệt kim, đan hoặc móc.

Sản phẩm 7:

Quần áo lót các loại dành cho cả người lớn và trẻ em, bao gồm quần lót nam, quần lót nữ, áo lót nữ, tất ngắn, tất dài và các sản phẩm tương tự.

Sản phẩm 8:

Bộ com lê dành cho người lớn và trẻ em được hoặc không được làm bằng len, dệt kim, đan hoặc móc, bao gồm bộ trang phục kết hợp từ áo jacket với quần hoặc váy để tạo thành một bộ lễ phục như com lê, áo dài và các bộ lễ phục truyền thống khác.

Sản phẩm 9:

Quần áo dành cho người lớn và trẻ em làm từ da thuộc như áo jacket, áo khoác bằng da và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm găng tay và mũ thường và mũ lưỡi trai.

Sản phẩm 10:

Quần áo dành cho người lớn và trẻ em làm từ da giả như áo jacket, áo khoác bằng giả da và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm găng tay và mũ.

Sản phẩm 11:

Găng tay dành cho người lớn và trẻ em được hoặc không được làm từ len, dệt kim, đan hoặc móc từ bất kỳ chất liệu nào. Không bao gồm găng tay thể thao.

Sản phẩm 12:

Mũ thường và mũ lưỡi trai dành cho người lớn và trẻ em được hoặc không được làm từ len, dệt kim, đan hoặc móc từ bất kỳ chất liệu nào.

Sản phẩm 13:

Các sản phẩm may mặc khác chưa được phân vào đâu như cà vạt, áo nịt ngực của phụ nữ, khăn che mặt và khăn choàng.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 1920
 Do Tổng cục Thống kê ban hành
 Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THÙ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 1920
- Ngành sản xuất giày dép-

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp
 (chọn ô phù hợp) 4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Giày, dép, ủng bằng cao su	1000 đôi					
2	Giày, dép, ủng bằng plastic						
	2-1	Cho người lớn	1000 đôi				
	2-2	Cho trẻ em	1000 đôi				
3	Giày, dép, ủng bằng da thuộc						
	3-1	Cho người lớn	1000 đôi				
	3-2	Cho trẻ em	1000 đôi				
4	Giày, dép, ủng bằng da giả						
	4-1	Cho người lớn	1000 đôi				
	4-2	Cho trẻ em	1000 đôi				
5	Giày, dép vải	1000 đôi					
6	Giày thể thao	1000 đôi					
7	Đế giày và các bộ phận khác của giày	1000 đôi					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng): Trong đó: Doanh thu thuần cùng nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu 15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế 16. Ngày ký

Chữ ký Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Trị giá xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chi tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Tỷ lệ trăm)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nhận thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Giấy dếp các loại với hơn 50% chất liệu làm từ cao su, bao gồm cả giấy dếp hoặc xăng đan chịu nước.

Sản phẩm 2 - 1:

Giấy dếp các loại bao gồm xăng đan dành cho người lớn với hơn 50% chất liệu làm từ plastic. Không bao gồm giày dếp thể thao.

Sản phẩm 2 - 2:

Giấy dếp các loại bao gồm xăng đan dành cho trẻ em với hơn 50% chất liệu làm từ plastic. Không bao gồm giày dếp thể thao.

Sản phẩm 3 - 1:

Giấy dếp các loại bao gồm xăng đan dành cho người lớn với hơn 50% chất liệu làm từ da thuộc. Không bao gồm giày dếp thể thao.

Sản phẩm 3 - 2:

Giấy dếp các loại bao gồm xăng đan dành cho trẻ em với hơn 50% chất liệu làm từ da thuộc. Không bao gồm giày dếp thể thao.

Sản phẩm 4 - 1:

Giấy dếp các loại bao gồm xăng đan dành cho người lớn với hơn 50% chất liệu làm từ da giả. Không bao gồm giày dếp thể thao.

Sản phẩm 4 - 2:

Giấy dếp các loại bao gồm xăng đan dành cho trẻ em với hơn 50% chất liệu làm từ da giả. Không bao gồm giày dếp thể thao.

Sản phẩm 5:

Giấy dếp các loại với hơn 50% chất liệu làm từ vải, bao gồm cả giày dếp thể thao.

Sản phẩm 6:

Giày dếp thể thao các loại làm từ mọi chất liệu dành cho người lớn và trẻ em.

Sản phẩm 7:

Đề các loại, được hoặc không được bán.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 2029

Do Tổng cục Thống kê ban hành

Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xá Cơ sở kinh tế

PHIẾU ĐIỀU TRA THỪ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2029

- Ngành sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và các vật liệu tết bện -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp) 4-1 DNNN TƯ' 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng	
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Các sản phẩm gỗ								
	1-1	Mặc áo	1000 cái						
	1-2	Hộp, traps dụng đồ trang sức bằng gỗ	1000 hộp						
	1-3	Lọ hoa bằng gỗ	1000 lọ						
	1-4	Tượng gỗ	1000 bức						
	1-5	Gỗ trang trí nội thất	1000 m ²						
	1-6	Dụng cụ ăn và làm bếp bằng gỗ	1000 cái						
	1-7	Đũa gỗ	1000 đôi						
1-8	Các sản phẩm gỗ khác	1000 cái							
2	Các sản phẩm bằng mây tre các loại								
	2-1	Mành tre, mảnh trúc	1000 m ²						
	2-2	Mây tre đan các loại	1000 cái						
	2-3	Chiều trúc, chiều tre (quy chuẩn: 1.5 x 2m)	1000 cái						
	2-4	Chiều cỏi (quy chuẩn: 1.5 x 2m)	1000 cái						
	2-5	Đũa tre	1000 đôi						
	2-6	Tầm tre	Tấn						
2-7	Các sản phẩm bằng mây tre khác	1000 cái							
3	Các sản phẩm bằng vật liệu tết bện khác	1000 cái							

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu) Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước):

14. Chữ ký của người điền phiếu 15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế 16. Ngày ký

Chữ ký Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chi tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chi tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chi tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chi tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Trị giá xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất dự tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chi tiêu này cũng giống như giải thích của chi tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cơ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1 - 1:

Mắc áo là loại được dùng để treo quần áo. Nguyên liệu chính để sản xuất ra mắc áo là gỗ. Không bao gồm các sản phẩm mắc áo được sản xuất từ nguyên liệu chính là chất dẻo hay kim loại.

Sản phẩm 1 - 2:

Hộp gỗ cỡ nhỏ dùng để đựng đồ trang sức, mỹ phẩm, vv. Nguyên liệu chính để sản xuất ra hộp là gỗ.

Sản phẩm 1 - 3:

Lọ đựng hoa với nguyên liệu chính là gỗ.

Sản phẩm 1 - 4:

Các bức tượng như tượng Phật, tượng Bác và các loại tượng khác được sản xuất với nguyên vật liệu chủ yếu là gỗ.

Sản phẩm 1 - 5:

Các loại đồ gỗ dùng để ốp tường, trang trí trần, tranh gỗ, hình khối, hình tròn, tam giác, kẻ ô v.v..

Sản phẩm 1 - 6:

Các đồ làm bếp như muông xúc cơm bằng gỗ, thớt gỗ.

Sản phẩm 1 - 7:

Đũa làm bằng gỗ bao gồm cả loại dùng một lần. Không bao gồm đũa tre.

Sản phẩm 1 - 8:

Các sản phẩm làm từ gỗ khác không được phân vào nhóm các sản phẩm trên.

Sản phẩm 2 - 1:

Mành, rèm dùng để che nắng, ngăn tầm nhìn từ bên ngoài; làm từ tre và trúc.

Sản phẩm 2 - 2:

Các sản phẩm bằng mây tre đan như rổ rá, túi xách, trù chiếu.

Sản phẩm 2 - 3:

Chiếu được làm từ nhiều mảnh tre, trúc nhỏ kết lại. Quy sang kích cỡ chuẩn là 1,5 x 2m để tính toán.

Sản phẩm 2 - 4:

Chiếu được dệt từ các sợi cỏ, dùng để trải giường hay trải sàn nhà. Quy sang kích cỡ chuẩn là 1,5 x 2m để tính toán.

Sản phẩm 2 - 5:

Đũa được làm từ tre bao gồm cả loại đũa dùng một lần. Không bao gồm đũa gỗ.

Sản phẩm 2 - 6:

Tầm được làm từ tre. Không bao gồm tầm gỗ.

Sản phẩm 2 - 7:

Các loại sản phẩm tre khác khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan Thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (Không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bán quỹ, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Bột giấy hoá học từ gỗ, loại hoá tan; bột giấy hoá học khác; bột giấy từ gỗ thu được từ phương pháp cơ học, bột giấy từ gỗ.

Sản phẩm 2-1:

Giấy in báo, dạng cuộn hoặc tờ.

Sản phẩm 2-2:

Giấy in khác, trừ giấy in báo, dạng cuộn hoặc tờ.

Sản phẩm 3:

Giấy không trắng, được sử dụng như một loại giấy viết.

Sản phẩm 4:

Giấy dùng để sản xuất bao gói, đặc biệt là bao xi măng, dạng cuộn hay tờ.

Sản phẩm 5:

Giấy bao gói hàng dạng cuộn, dùng để gói hàng; giấy bao gói làm từ bột giấy swift, giấy giả da góc thực vật, giấy chống thấm dầu, giấy can, giấy bóng mờ, giấy bóng trong hoặc các loại giấy trong khác, dạng cuộn hoặc dạng tờ.

Sản phẩm 6:

Giấy phục vụ mục đích tin ngưỡng, đã hoặc chưa trắng.

Sản phẩm 7-1:

Giấy phôi tờ hoặc giấy in các loại với quy chuẩn: A4.

Sản phẩm 7-2:

Loại giấy mềm, thấm nước, thường ở dạng cuộn, dùng khi đi vệ sinh, đã hoặc chưa tẩy trắng.

Sản phẩm 7-3:

Các loại giấy khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

Sản phẩm 8:

Giấy và các tông bồi (được làm bằng cách dán các lớp giấy phẳng hoặc các tông phẳng vào với nhau bằng một lớp keo dính, chưa trắng hoặc thậm chí bồi mặt, đã hoặc chưa được gia cố với nhau ở dạng cuộn hoặc tờ; giấy bia khác, đã làm chun hoặc nhân, có hoặc không đập nổi hoặc đục lỗ răng cưa, dạng cuộn hoặc tờ; giấy hoặc các tông, đã trắng một hoặc hai mặt bằng lớp cao lanh hoặc bằng các chất vô cơ khác; có hoặc không có chất kết dính và không có lớp phủ trắng nào khác; có hoặc không nhuộm màu mặt, có hoặc không trang trí in mặt; dạng cuộn hoặc tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông), dạng tờ, với bất kỳ kích cỡ nào.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 2109
 Do Tổng cục Thống kê ban hành
 Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

PHIẾU ĐIỀU TRA THỪ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2109

- Ngành sản xuất sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*
 * Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp) 4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng			Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	11. Tồn kho cuối tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	Cặp tài liệu bằng giấy, bìa	1000 cái					
2	Phong bì, bưu thiếp và các sản phẩm tương tự bằng giấy	1000 cái					
3	Các sản phẩm bằng giấy đúc dùng một lần (ví dụ: cốc, đĩa, vv.)	1000 cái					
Giấy vệ sinh							
4	4-1 Khăn giấy cao cấp	Tấn					
	4-2 Tã lót bằng giấy cho trẻ em	Tấn					
	4-3 Băng vệ sinh phụ nữ	Tấn					
5	Nhãn Decal	1000 chiếc					
6	Giấy thép kê	1000 thép					
7	Vở học sinh (quy loại 100 trang)	1000 quyển					

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng) Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu 15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế 16. Ngày ký

Chữ ký Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chi tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chi tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chi tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mả cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Trị giá xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chi tiêu này cũng giống như giải thích của chi tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chi tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nhận thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chi tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chi tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

File đựng tài liệu làm bằng bìa mỏng, để lưu trong ngăn kéo hoặc tủ đựng file tài liệu, dùng để đựng tài liệu, giấy tờ giao dịch và các loại file khác, làm từ giấy và bìa.

Sản phẩm 2:

Phong bì, bưu thiếp, bưu thiếp trơn và danh thiếp, các loại hộp, bao nhỏ, ví, làm bằng giấy hoặc bìa.

Sản phẩm 3:

Các sản phẩm làm bằng giấy đục dùng một lần như hộp đựng trứng, hộp đựng thức ăn, khai thiêu ăn, cốc, lọ hoa, v.v.

Sản phẩm 4-1:

Khăn giấy mềm, dùng một lần, đặc biệt dùng để lau mặt hoặc dùng như khăn mũi xoa.

Sản phẩm 4-2:

Tã lót làm bằng nguyên liệu mềm, hút ẩm, dùng như đồ lót để thấm nước thải cho trẻ em dùng một lần.

Sản phẩm 4-3:

Loại băng vệ sinh dùng một lần cho phụ nữ trong kỳ kinh nguyệt.

Sản phẩm 5:

Sản phẩm giấy có keo dính như nhãn, tờ giấy nhỏ có keo.

Sản phẩm 6:

Giấy thép kẻ chưa đóng gáy các loại. Sản phẩm này bao gồm cả giấy tệp dùng để ghi chép và các loại tương tự khác.

Sản phẩm 7:

Vở (bao gồm cả các loại vở đã đóng bìa bằng dây hoặc bằng chất dẻo), quy sang kích cỡ chuẩn là 100 trang.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 2102

Do Tổng cục Thống kê ban hành

Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
 ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
 PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra)

Tỉnh Huyện Xã Cơ sở kinh tế

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2102
- Ngành sản xuất giấy nhãn và bao bì -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế

* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp):
 4-1 DNNN TƯ 4-2 DN NN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn mặt sau để điền phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng				Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	10. Tiêu thụ nội bộ	11. Tồn kho cuối tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giấy gấp nếp làn sóng	Tấn						
2	Túi giấy (ví dụ: túi xách bằng giấy)	1000 chiếc						
Bao đựng nhiều lớp bằng giấy các loại								
3	3-1 Bao xi măng	1000 bao						
	3-2 Bao dùng cho các mục đích khác (ví dụ: đựng lương thực, phân bón, vv.)	1000 bao						
4	Hộp, thùng, khay bằng giấy hoặc bìa	1000 cái						

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu) Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đờ

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu 15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế 16. Ngày ký

Chữ ký Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

1-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

1-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chi tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chi tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chi tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác)

11. Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối tháng

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chi tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chi tiêu này cũng giống như giải thích của chi tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chi tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nghiệp thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Giấy nhàn và bao bì các loại, đã hoặc chưa đục lỗ hoặc kẻ rãnh thưa.

Sản phẩm 2:

Túi giấy (trừ túi bằng chất dẻo) làm từ giấy cán mỏng hoặc giấy trắng, kết hợp giấy và chất dẻo, dùng để đựng đồ mua sắm.

Sản phẩm 3-1:

Túi giấy nhiều lớp làm bằng giấy và chất dẻo để đựng xi măng.

Sản phẩm 3-2:

Túi giấy nhiều lớp làm từ giấy và chất dẻo để đựng phân bón hoặc lương thực, trừ loại túi để đựng xi măng.

Sản phẩm 4:

Hộp, thùng, khay hoặc các loại khác dùng để đựng đồ, làm bằng giấy, dùng một hoặc nhiều lần; trừ túi giấy.

Ghi chú:

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ: OD07 - 2221

Do Tổng cục Thống kê ban hành

Hạn nộp: ngày 12 hàng tháng

PHIẾU ĐIỀU TRA THỦ LẦN 2
ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG NHỮNG SẢN
PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

PSO sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)

Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
------	-------	----	---------------

ÁP DỤNG CHO NGÀNH: 2221
- Ngành in -

1-1. Tên Doanh nghiệp

1-2. Tên Cơ sở kinh tế*
* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh tế, để trống ô này.

2. Mã số thuế

3. Địa chỉ

4. Loại hình doanh nghiệp 4-1 DNNN TƯ 4-2 DNNN 4-3 DN có vốn ĐTNN 4-4 DN ngoài quốc doanh

5. Người điền phiếu

6. Số điện thoại Mã khu vực Số máy

7. Tháng báo cáo của năm 2007

Xem hướng dẫn
mặt sau để điền
phiếu

I. Thông tin về Sản phẩm

Thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng		Giá trị	Khối lượng
			8. Sản xuất trong tháng	9. Xuất kho trong tháng	12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)	13. Dự tính sản xuất tháng tiếp theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)	(9)
1	Trang in typô (quy khổ 13 x 19)	Triệu trang				
2	Trang in offset (quy khổ 13 x 19)	Triệu trang				
3	Trang in đặc biệt (loại trừ in trên giấy)	Triệu trang				

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Triệu đồng) Trong đó: Doanh thu thuần công nghiệp (Triệu đồng):

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

14. Chữ ký của người điền phiếu

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

16. Ngày ký

Chữ ký Ngày

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

BẢO MẬT

Những thông tin thu được từ cuộc điều tra này sẽ được bảo mật chặt chẽ và sẽ được công bố dưới hình thức tổng hợp.

I-1. Tên doanh nghiệp

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh.

I-2. Tên cơ sở kinh tế

Trường hợp đơn vị điều tra là một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thì mới ghi tên cơ sở trực thuộc vào mục này (Ghi đúng tên trong Quyết định thành lập).

2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế 10 số nếu là doanh nghiệp và 13 số nếu là cơ sở kinh tế do Cơ quan thuế cấp.

3. Địa chỉ

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Loại hình doanh nghiệp

Đánh dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

5. Người điền phiếu

Ghi tên người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra bằng chữ in.

6. Số điện thoại

Ghi số điện thoại của người điền phiếu (mã khu vực, số máy).

7. Tháng báo cáo

Ghi rõ tháng báo cáo của Phiếu điều tra

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

12. Trị giá hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá trị gia tăng)

13. Khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất tháng tiếp theo

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu 8 " Khối lượng sản phẩm sản xuất".

II. Tổng Doanh thu thuần của Doanh nghiệp (Tỷ đồng)

Hãy báo cáo tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này là tổng giá trị kinh tế mà doanh nghiệp công nhận thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (không bao gồm các loại thuế). Tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp bao gồm: (1) Thu từ việc bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, (2) Thu từ kinh doanh hàng hóa mua vào bán ra, (3) Thu từ các dịch vụ, (4) Thu từ lãi suất, bản quyền, cổ tức.

Hãy báo cáo Tổng doanh thu thuần, trong đó báo cáo giá trị thu từ hoạt động công nghiệp.

III. Ghi chú (Ghi những nguyên nhân tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước)

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

14. Chữ ký của người điền phiếu

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

15. Chữ ký của phụ trách cơ sở kinh tế

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

16. Ngày ký

Ghi ngày mà người phụ trách Cơ sở kinh tế đã ký.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê
Phòng 333, số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463483

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm 1:

Trang in typô, quy sang cỡ chuẩn 13x19cm để tính toán.

Sản phẩm 2:

Trang in offset, quy sang cỡ chuẩn 13x19cm để tính toán.

Sản phẩm 3:

Các loại trang in đặc biệt khác trừ in type và in offset như in tem, in tiền.

Ghi chú: